

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/DS-ST

Ngày: 14-5-2021

V/v “Trách nhiệm do chậm
thực hiện nghĩa vụ trả tiền”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Huỳnh Tâm

2. Ông Bùi Đức Thuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phước – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thìn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2021 về việc “Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T – Sinh năm 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn HS, xã BT, huyện TS, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H – Sinh năm 1977 (Có mặt)

Ông Đỗ Cao T1 – Sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm LT, thôn KL, xã BT, huyện TS, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/01/2021 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Năm 2017 bà có bán cám heo cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh H, ông Đỗ Cao T1, đến ngày 26/9/2018 hai bên chốt nợ thì vợ chồng bà H, ông T1 còn nợ của bà số tiền 217.650.000 đồng, vợ chồng bà H, ông T1 viết giấy nợ ngày 4/11/2018 và đồng ý hàng tháng trả lãi 2.170.000đồng/217.650.000đồng là 1%/tháng. Sau khi viết giấy nợ

từ năm 2018 đến nay vợ chồng bà H, ông T1 đã trả tiền gốc cho bà là 40.000.000 đồng, còn tiền lãi đã trả đến tháng 6/2020 (lãi một tháng trả 2.170.000đ). Nên còn nợ lại số tiền gốc là 177.650.000 đồng và tiền lãi từ tháng 7/2020 (AL) đến nay chưa trả. Nay bà yêu cầu vợ chồng bà H, ông T1 phải trả số nợ gốc 177.650.000 đồng một lần và tiền lãi của số tiền 177.650.000đ từ tháng 7/2020 (AL) cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm, (tiền lãi theo thỏa thuận của hai bên 1%/tháng là 1.776.500 đồng/177.650.000đồng).

Tại bản tự khai và lời khai tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H, ông Đỗ Cao T1 trình bày:

Năm 2017, vợ chồng bà có mua cá heo của bà Nguyễn Thị Thu T, đến ngày 26/9/2018 hai bên chốt lại thì vợ chồng bà còn nợ bà T số tiền 217.650.000 đồng. Ngày 04/11/2018 vợ chồng bà có ký giấy nợ cho bà T, và có ghi đồng ý trả lãi hàng tháng với số tiền lãi là 2.170.000 đồng. Giấy nợ do bà T viết, chữ ký Nguyễn Thị Thanh H và Đỗ Cao T1 là do vợ chồng bà ký. Sau khi viết giấy nợ thì từ tháng 12/2018 (AL) vợ chồng bà hàng tháng đều trả tiền cho bà T, đã trả tiền gốc được 40.000.000 đồng và tiền lãi đã trả đến tháng 6/2020 (AL), vợ chồng bà thừa nhận hiện còn nợ của bà T số tiền gốc 177.650.000 đồng và tiền lãi từ tháng 7/2020 (AL) đến nay chưa trả, vợ chồng bà đồng ý lãi suất hai bên thỏa thuận 1%/tháng. Về tiền lãi hàng tháng vợ chồng bà đã trả cho bà T thì bà không có ý kiến gì, đồng ý theo lãi suất mà bà T yêu cầu vợ chồng bà phải trả. Nay bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà trả số nợ gốc 177.650.000 đồng và tiền lãi một tháng 1.776.500 đồng thì vợ chồng bà đồng ý trả số nợ gốc 177.650.000 đồng nhưng xin trả nợ dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin không trả lãi vì hiện nay hoàn cảnh kinh tế gia đình bà khó khăn, nếu bà T không đồng ý thì bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71, 72 BLTT Dân sự năm 2015 và chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Tuy nhiên ông Đỗ Cao T1 đã nhận được giấy triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T1.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:*

Căn cứ Điều 357, 468 BLDS năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T, buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh H, ông Đỗ Cao T1 phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền còn nợ gốc là 117.650.000 đồng và tiền lãi, lãi suất

1%/tháng của số tiền 117.650.000 đồng mà hai bên thỏa thuận, thời gian tính lãi từ ngày 01/9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bác yêu cầu của vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh H, ông Đỗ Cao T1 xin trả nợ dân mỗi tháng 5.000.000 đồng và xin không trả tiền lãi vì không được nguyên đơn chấp nhận. Về án phí dân sự sơ thẩm đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H, ông Đỗ Cao T1 trả nợ do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo giấy nhận nợ ngày 04/11/2018, bị đơn bà H, ông T1 không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn nên phát sinh tranh chấp. Yêu cầu khởi kiện của bà T thuộc một trong các trường hợp tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận.

Về sự vắng mặt của bị đơn ông Đỗ Cao T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa và không có lý do, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T1.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Năm 2007 bà Nguyễn Thị Thu T có bán cám nuôi heo cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh H, ông Đỗ Cao T1, đến ngày 26/9/2018 hai bên chốt nợ thì vợ chồng bà H, ông T1 còn nợ của bà Thảo số tiền 217.650.000 đồng, vợ chồng bà H, ông T1 đã viết giấy nợ ngày 4/11/2018 và đồng ý hàng tháng trả lãi 2.170.000đồng/217.650.000đồng là 1%/tháng. Sau khi viết giấy nợ đến nay vợ chồng bà H, ông T1 đã trả cho bà T số tiền gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi trả đến tháng 6/2020 (AL) nên vợ chồng bà H, ông T1 còn nợ của bà T số tiền gốc 177.650.000 đồng và tiền lãi từ tháng 7/2020 (AL) đến nay. Vợ chồng bà H, ông T1 đều công nhận còn nợ của bà T1 số tiền gốc là 177.650.000 đồng và tiền lãi đã trả đến tháng 6/2020 (AL). Đây là tình tiết mà cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận, không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử (HĐXX) công nhận.

Việc bà H, ông T1 nợ tiền của bà T, bà T đã nhiều lần đòi vợ chồng bà H, ông T1 phải trả cho bà số tiền còn nợ 177.650.000 đồng nhưng vợ chồng bà H, ông T1 không trả tiền là vi phạm trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, nên yêu cầu của bà T được HĐXX chấp nhận. Do đó, buộc vợ chồng bà H, ông T1 phải có nghĩa

vụ trả tiền cho bà T số tiền nợ gốc 177.650.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về lãi suất: Hai bên thừa nhận lãi suất thỏa thuận 1%/tháng trên số tiền còn nợ theo giấy nợ ngày 4/11/2018 và đã trả tiền lãi đến tháng 6/2020 (AL). Bà T yêu cầu bà H, ông T1 phải trả tiền lãi 1%/tháng của số tiền còn nợ 177.650.000 đồng, thời gian từ tháng 7/2020 (AL) đến khi Tòa án xét xử. Tại phiên tòa hôm nay bà T đồng ý tính lãi suất thời gian từ ngày 01/9/2020 đến khi Tòa án xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự nên bà H, ông T1 phải trả cho bà T tiền lãi trên nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS năm 2015 được tính từ ngày 01/9/2020 trên số tiền chậm trả đến tại thời điểm trả nợ ngày 14/5/2021 là 8 tháng 14 ngày, được tính như sau:

$$177.650.000đ \times 1\%/tháng \times 8 tháng 14 ngày = 15.041.000 \text{ đồng}$$

Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi vợ chồng bà H, ông T1 phải trả cho bà T là: 192.691.000 đồng (tiền gốc 177.650.000đ + tiền lãi 15.041.000đ).

[2.3] Đối với yêu cầu của bà H, ông T1 xin trả nợ dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin không trả tiền lãi vì hiện nay vợ chồng ông bà khó khăn không có khả năng trả nợ một lần và không có tiền trả lãi. Yêu cầu của bà H, ông T không được nguyên đơn bà T chấp nhận và không phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX không chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T được HĐXX chấp nhận nên theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14, bị đơn bà H, ông T1 phải chịu 9.634.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả 4.440.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Thu T đã nộp theo biên lai thu số 0004424 ngày 25/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

[4] Lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Đỗ Cao T1 phải trả tiền theo giấy nợ ngày 4/11/2018.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Đỗ Cao T1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 192.691.000 đồng (*Một trăm chín mươi hai triệu sáu trăm chín mươi một nghìn đồng*) trong đó tiền gốc là 177.650.000 đồng, tiền lãi là 15.041.000 đồng.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Bác yêu cầu của vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Đỗ Cao T1 xin trả dần tiền gốc mỗi tháng 5.000.000 đồng và xin không trả lãi là không có căn cứ vì không được nguyên đơn chấp nhận.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Đỗ Cao T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 9.634.500 đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu T 4.440.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004424 ngày 25/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 14/5/2021, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự H. Tây Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Minh Trí